

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 230/2023/DS-PT
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng
đất; bồi thường thiệt hại”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ, ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 185/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023; tranh chấp “Quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023, của Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2023/QĐXX-PT ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1962; cư trú: Số B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1974 (có mặt); Nguyễn Tuấn K1 sinh năm 1998 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số B, đường T, tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2021 và Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Huỳnh Văn B Văn phòng luật sư Huỳnh Văn B thuộc đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; cư trú: Số B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; cư trú: Số B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T1: Luật sư Lại Văn G – Công ty L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh A. (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0917.244233

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc G1, sinh năm 1969 (có mặt).

Cư trú: Số B T, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1974; (Có mặt); Nguyễn Tuấn K1 sinh năm 1998; (có mặt)

Cùng cư trú: số B, đường T, tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2021).

3. 2. Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1974.

Cư trú: Số B T, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Cẩm V (đã chết).

3. 3. Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1986; cư trú: Số 1249c/63 khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. 4. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987; cư trú: Số 1249c/63 khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. 5. Bà Nguyễn Thị Mỹ C1, sinh năm 1988; cư trú: Số 1249c/63 khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. 6. Bà Phạm Thị Ngọc P, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Cư trú: Số B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. 7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Cư trú: Số B khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc K là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn trọng vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm C trình bày:

Về tranh chấp quyền sử dụng đất: Yêu cầu công nhận và trả lại 41,9m² thuộc quyền sử dụng của ông K, phần đất này nằm trong diện tích đo đạc 179,3 m², vị trí tiếp giáp mặt tiền đất của ông T, ông T1 (giữa hành lang lộ giới và đất ông T, ông T1, nằm trong diện tích đã được đo đạc). Ông K được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây cối trên đất ông T, ông T1 chặt phá là 10.000.000đ; tiền mất thu nhập từ việc cho ông M1 thuê làm tiệm cắt tóc từ ngày 03/4/2020 đến

khi xét xử, mỗi tháng 1.000.000đ (tạm tính từ ngày 03/4/2020 đến 03/3/2022 là 23 tháng), với số tiền là 23.000.000đ. Tổng cộng tạm tính là 33.000.000đ, đến nay thêm 15 tháng tổng cộng là 48.000.000 đồng.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào mẫu chung năm 1976, bản kê khai từng lô đất, nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Đ cho cha ông K là Nguyễn Văn L vào năm 1976, Nguyễn Văn L cho con Nguyễn Ngọc K vào năm 1982, việc cho không có làm giấy tờ; ông L và ông K sử dụng phần đất này, trồng cây trên đất và cho ông Phan Văn M2 thuê mở tiệm hớt tóc.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đây là phần đất hành lang lộ giới đã được Ủy ban nhân dân phường xác nhận bằng nhiều văn bản. Việc chặt cây cối là do ông T1 thực hiện, ông chỉ dọn cỏ và láng bê tông cho sạch đẹp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đây là phần đất hành lang lộ giới đã được Ủy ban nhân dân phường xác nhận bằng nhiều văn bản. Việc chặt cây cối là do ông T1 thực hiện theo chủ trương của Ủy ban nhân dân phường và công an phường B để dọn dẹp cảnh quan đô thị được sạch đẹp, bảo vệ vẻ đẹp mỹ quan đô thị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Không có ý kiến tranh chấp đối với nội dung vụ án

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 157 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu công nhận và trả lại cho ông diện tích 41,9m² đất nằm trong diện tích 179,3m² tại các điểm 4, 6, 9, 2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 21 tháng 6 năm 2023 do Công ty TNHH Đ1 lập, đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường thiệt hại do mất thu nhập từ việc cho thuê đất.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường thiệt hại do tài sản là cây trồng bị chặt phá.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T liên đới cùng ông Nguyễn Văn T1 bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Ngọc K là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc K phải chịu chi phí tố tụng là 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng), ông K đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Ngày 23/6/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T trả lại diện tích đất 179,3m² theo bản vẽ ngày 06/02/2023 cho ông K;

Ngày 28/6/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo, không chấp nhận bồi thường thiệt hại về chặt phá cây trồng trên đất 10.000.000đ, việc chặt phá cây là do chủ trương chủ Ủy ban nhân dân và Công an phường B;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm;

Luật sư Huỳnh Văn B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: nguồn gốc đất của cha mẹ ông K có từ trước năm 1975; đã có kê khai mẫu chung năm 1976; cấp sơ thẩm chưa làm rõ lộ giới là bao nhiêu mét, xem diện tích 41,9m² có thuộc hành lang lộ giới không; chưa có Quyết định nào về việc thu hồi đất làm hành lang lộ giới; chưa làm rõ đất công do nhà nước quản lý hay đất lộ giới; về đốn chặt cây ông T1 đã thừa nhận, nên bồi thường thiệt hại về cây là có căn cứ; còn về cho thuê đất để mở tiệm cắt tóc là có thật, mong Hội đồng xét xử có xem xét; do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn;

Luật sư Lại Văn G bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn T1 phát biểu: đối tượng khởi kiện là không đúng, bởi vì, ông T1, ông T không quản lý, sử dụng diện tích đất này; đáng lý phải kiện Ủy ban nhân dân; còn về bồi thường thu nhập về việc cho thuê tiệm cắt tóc là không có cơ sở, việc ông M2 cắt tiệm cắt tóc và dời đi nơi khác bị đơn không hề biết; về bồi thường thiệt hại về chặt cây chưa cụ thể, chỉ dựa vào yêu cầu của nguyên đơn kê khai mà cấp sơ thẩm chấp nhận là chưa đúng; đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 179,3m² là có căn cứ; đối với yêu cầu bồi thường mất thu nhập cho thuê đất là không có căn cứ; đối với bồi thường thiệt hại chặt cây và ông T1 cũng thừa nhận có chặt phá cây trồng trên đất nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường là có căn cứ;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn ông T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K thì thấy,

[3.1] Theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 21/6/2023 do Công ty TNHH Đ1 lập, thể hiện phần đất tranh chấp được xác định theo chỉ dẫn của bà C (người đại diện theo ủy quyền của ông K) có diện tích 179,3m² tại các điểm 4, 6, 9, 2 tọa lạc tại phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, thuộc hành lang giao thông. Ông K yêu cầu công nhận 41,9m² thuộc quyền sử dụng của ông K, phần đất này nằm trong diện tích đo đạc 179,3 m², vị trí tiếp giáp mặt tiền đất của ông T, ông T1 (giữa hành lang lộ giới và đất ông T, ông T1, nằm trong diện tích đã được đo đạc).

[3.2] Căn cứ Công văn số 128/UBND-ĐC ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân phường B, Phiếu trả đơn tranh chấp đất đai số 633/UBND-ĐC ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân phường B, Công văn số 2058/UBND-NC ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố L thì: phần đất các bên đang tranh chấp nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ theo Quyết định số 343/QĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh A; theo đó hành lang bảo vệ đường bộ theo Quyết định đoạn từ cầu T đến Lộ tẻ (km 193+332 – km 203+168) hành lang bảo vệ đường bộ được xác định bên trái 14m, bên phải 05m). Việc giải tỏa hành lang lộ giới đã được Ủy ban nhân dân thị xã L (nay là thành phố L) tổ chức thực hiện năm 1992 - 1993. Do đó diện tích 179,3m² giới hạn bởi các điểm 4,6,9,2 thể hiện tại bản trích đo hiện trạng khu đất nêu trên là đất công do Nhà nước quản lý.

[3.3] Tại Công văn số 633/UBND-ĐC xác định “việc bà Nguyễn Thị Cẩm C tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn T1 và ông Nguyễn Văn T và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng tạm đất hành lang an toàn giao thông đường bộ là không đủ điều kiện thụ lý giải quyết”. Tại Biên bản hòa giải ngày 20 tháng 01 năm 2022, Hội đồng hòa giải cơ sở cũng xác định phần đất các bên tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp

cho ông T, ông T1, mà nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ (hành lang giao thông). Như vậy, Ủy ban nhân dân phường B là cơ quan được giao thẩm quyền quản lý phần đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ đã không tạm giao cho gia đình nguyên đơn được sử dụng phần đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ đang tranh chấp.

[3.4] Căn cứ công văn số 191/CNLX-KT ngày 21/6/2023 của Văn phòng Đ2 chi nhánh L2 xác định phần đất tranh chấp thuộc tờ bản đồ 18; Công văn số 535 ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường B xác định phần đất tranh chấp nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo quyết định số 343/QĐ-UB ngày 07/8/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh A; bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 21/6/2023 của công ty TNHH Đ1 cũng xác định thuộc tờ bản đồ 18, loại đất giao thông.

[3.5] Do đó, phần đất đang tranh chấp đến nay thuộc Nhà nước quản lý, không tạm giao cho ai sử dụng, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ai; bị đơn cũng không quản lý, sử dụng, chỉ đi tạm ngang qua đất; nguyên đơn cũng không chứng minh được vị trí và diện tích đất tranh chấp là của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông K về việc công nhận phần đất là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về thiệt hại do mất thu thập từ việc cho thuê đất; phần đất tranh chấp không được tạm giao, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn; nguyên đơn không có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này nhưng lại cho người khác thuê đất là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng thuê; quá trình giải quyết nguyên đơn không chứng minh được có hợp đồng thuê, chỉ nói miệng; còn bị đơn không thừa nhận có tác động nào để người thuê tiệm cắt tóc dỡ di dời đi khác. Do đó, yêu cầu bồi thường mất thu nhập từ việc cho ông M2 thuê đất mở tiệm cắt tóc là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường chặt phá cây; ông T1 thừa nhận ông là người chặt bỏ cây cối trên phần đất tranh chấp, ông T1 cho rằng đây là đất hành lang giao thông, cây cối rậm rạp gây mất mỹ quan đô thị, cản trở việc sử dụng lối đi, việc chặt cây cối theo chính trang đô thị của địa phương; nhưng ông T1 không có văn bản hay tài liệu chứng minh là chặt cây theo chủ trương của chính quyền địa phương; và các loại cây này thực tế bên nguyên đơn có trồng như cây chuối; còn cây gáo, cây gòn cũng có thể do người trồng hoặc tự mọc,....

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại và tự xác định là 10.000.000 đồng; tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số lượng, chủng loại, độ tuổi của cây trồng; do thời gian chặt phá cây đã lâu, không còn nữa nên khó xác định loại cây và giá trị; tuy nhiên, căn cứ vào biên bản hòa giải tại Văn phòng K2 ngày 07/10/2020, nguyên đơn ban đầu thể hiện chỉ yêu cầu bồi thường việc chặt cây cối là 3.000.000đ; bị đơn ông T1 cũng thừa nhận có việc chặt cây; do đó, có cơ sở chấp nhận buộc ông T1 bồi thường thiệt hại chặt cây là 3.000.000đ.

Đối với ông T không có căn cứ xác định ông T là người đốn cây nên không có căn cứ buộc ông T liên đới bồi thường.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 phải chịu là 150.000đ; ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K được miễn; ông T1 không phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Ngọc K;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường thiệt hại về cây;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2023/DSST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu công nhận và trả lại cho ông diện tích 41,9m² đất nằm trong diện tích 179,3m² tại các điểm 4, 6, 9, 2 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 21 tháng 6 năm 2023 do Công ty TNHH Đ1 lập, đất tọa lạc tại khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường thiệt hại do mất thu nhập từ việc cho thuê đất.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K đối với ông Nguyễn Văn T1 về việc bồi thường thiệt hại do tài sản là cây trồng bị chặt phá.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về chặt phá cây của ông Nguyễn Ngọc K số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn T liên đới cùng ông Nguyễn Văn T1 bồi thường thiệt hại về chặt phá cây là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc K phải chịu chi phí tố tụng là 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng), ông K đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc K được miễn; ông Nguyễn Văn T1 được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002040 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Dương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn